

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN T1 H
TH1NH PHỐ H1 N1**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2019/HS-ST

Ngày: 29-3-2019

NHÂN DANH

**N- ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂY HỒ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- TH1nh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Vân Anh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Tỉnh

2. Bà Ngô Thị Thu T3

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Thúy - Là Thư ký Tòa án nhân dân quận T1 H, TH1nh phố H1 N1.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T1 H tham gia phiên tòa:

Bà Đàm Thị Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận T1 H, TH1nh phố H1 N1 xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 36/2019/HSST ngày 18 tháng 3 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2019/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 3 năm 2019 đối với:

Bị cáo Trần Trường D, sinh năm 1983; HKTT và chỗ ở: Tổ 33, cụm 4, phường N T, quận T1 H, H1 N1; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Th (đã chết) và bà Phan Thị T2; Vợ: Phan Thị Huyền T3; Có 02 con, lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2017; Danh chỉ bản số 00000080 do công an quận T1 H lập ngày 20/01/2019; Tiền án: Không; Tiền sự: Có 07 tiền sự, trong đó 03 tiền sự chưa hết thời hiệu.

Nhân thân:

-Ngày 02/3/2001 công an phường N T xử lý H1nh chính về H1nh vi trộm cắp tài sản.

-Ngày 15/10/2001 công an phường N T xử lý H1nh chính về H1nh vi trộm cắp tài sản.

-Năm 2003, đi cai nghiện bắt buộc, về địa phương năm 2004.

-Năm 2009, đi cai nghiện bắt buộc, về địa phương năm 2011.

-Năm 2012, đi cai nghiện bắt buộc, về địa phương năm 2016.

-Ngày 05/02/2018 công an quận T1 H xử phạt H1nh chính về H1nh vi tàng trữ trái phép chất ma túy, mức phạt 1.500.000đồng, Trần Trường D chưa nộp phạt số tiền trên.

-Ngày 13/11/2018 công an quận T1 H xử phạt H1nh chính về H1nh vi xâm hại sức khỏe người khác, mức phạt 2.500.000đồng, Trần Trường D chưa nộp phạt số tiền trên.

Bị cáo bị bắt khẩn cấp ngày 08/01/2019, hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam số 1 Công an TH1nh phố H1 N1, có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Anh Doãn Vinh Q, sinh năm 1979; HKTT: Số 104A8, tập thể đá hoa, An Dương, phường Y P, quận T1 H, H1 N1; Hiện trú tại: Số 242, A C4, phường N T, quận T1 H, H1 N1, xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong H sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, N1 dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17giờ ngày 06/01/2019, Trần Tường D lấy được 01 tấm tôn sắt ở khu vực bãi rác trong ngõ 240 A C4, phường Quảng An, T1 H, H1 N1. Sau đó D nhờ bạn là Chu Mạnh C5 (sinh năm 1983, HKTT: Số 8A, ngách 464/18 A C4, N T, T1 H, H1 N1) chở D đem đi bán. C5 đồng ý và dùng xe máy của C5 chở D ngồi phía sau đến cửa H1ng thu mua sắt vụn của anh Doãn Vinh Q (số 242 A C4, phường N T, quận T1 H, H1 N1) để bán. Đến nơi, D xuống xe bê tấm tôn đến cửa H1ng, còn C5 đi xe lên phía trước, khoảng 15mét đứng chờ. Do cửa H1ng đóng cửa nên D dựng tấm tôn sắt ở trước cửa chính nH1 anh Q rồi đi bộ sang ngõ bên cạnh. Khi đó D nghe thấy tiếng chuông điện thoại phát ra từ trong nH1 anh Q, nhìn vào bên trong thấy không có người nên D đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Do cửa ngách nH1 anh Q không khóa, D dùng tay mở chốt cửa đi vào trong. Vào nH1, D đã lấy được 01 ví màu đen và 01 chiếc điện thoại di động Iphone 5 màu trắng cất vào trong người rồi đi ra ngoài bằng lối cũ. Ra đầu ngõ 242 A C4, D nhìn thấy C5 đang đứng chờ nhưng D không gọi C5 mà đi bộ một mình ra đường 5 mét và đi về nH1. Về nH1 D lấy toàn bộ số tiền trong ví ra đếm được 120.000đồng cất vào người, sau đó để chiếc điện thoại Iphone 5 vừa trộm cắp được ở tủ nH1 D rồi thay quần áo, sau đó điều khiển xe máy của mình quay lại số nH1 242 A C4 xem C5 còn ở đó không. Khi D đến nơi thì thấy C5 đang đi bộ cùng anh Q đi tìm đối tượng trộm cắp tài sản của anh Q. D dùng xe lại nói chuyện với C5, sau đó bỏ đi coi như không liên quan đến vụ việc. Số tiền D trộm cắp được, D đã chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 08/01/2019, anh Doãn Vinh Q đến Công an phường N T trình báo về việc mất trộm tài sản. Anh Q trình bày: Ngoài bị mất trộm 01 chiếc điện thoại Iphone 5 màu trắng, 01 ví da màu đen bên trong có khoảng 300.000đồng, anh còn bị mất trộm 36.000.000đồng.

Ngày 08/01/2019, D bị C4 quan CSĐT, Công an quận T1 H ra Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp.

Vật chứng thu giữ gồm: Thu giữ của Trần Tường D: 01 điện thoại Iphone 5 màu trắng, đã qua sử dụng; 01 ví màu đen đã qua sử dụng; Thu giữ của anh Doãn Vinh Q: 01 tấm tôn sắt, kích thước 1x2 mét, đã qua sử dụng; 01 USB ghi lại hình ảnh camera ghi nhận sự việc liên quan đến vụ án.

Tại bản kết luận định giá số 05/KL-HĐĐG ngày 09/01/2019; số 22/KL-HĐĐG ngày 28/01/2019 và số 25/KL-HĐĐG ngày 20/02/2019 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự UBND quận T1 H kết luận: 01 chiếc điện thoại di động Iphone 5 màu trắng trị giá: 2.000.000đồng; 01 chiếc ví màu đen đã qua sử dụng không có căn cứ định giá; 01 tấm tôn sắt kích thước 1x2m đã qua sử dụng có trị giá 100.000đồng.

Tại CQĐT D khai nhận H1nh vi phạm tội như đã nêu trên, D khai: D và C5 là bạn bè, D chỉ nhờ C5 chở D đi bán tấm tôn sắt. D không bàn bạc gì với C5 về việc trộm cắp tài sản. Việc trộm cắp tài sản chỉ mình D thực hiện, C5 không tham gia và không được ăn chia gì.

Đối với tấm tôn sắt, D để lại hiện trường, CQĐT đã dẫn giải D đến vị trí D lấy. Qua dẫn giải xác định vị trí D lấy là bãi rác trong ngõ 240 A C4, phường

Quảng An, T1 H, H1 N1, không xác định được chủ của tấm tôn sắt nên không có căn cứ để xác định H1nh vi trộm cắp tài sản này của D.

Đối với Chu Mạnh C5, tại CQĐT C5 khai: C5 không thỏa thuận, giúp sức, không tham gia thực hiện H1nh vi trộm cắp tài sản cùng D và không được hưởng lợi gì từ việc trộm cắp của D. Lời khai của C5 phù hợp với lời khai của D, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác thu thập trong H sơ vụ án, CQĐT không có căn cứ xử lý đối với Chu Mạnh C5.

Anh Doãn Vinh Q khai bị mất tài sản gồm: 300.000đồng để trong ví và 36.000.000đồng để trong tủ. D khai chỉ trộm cắp được 120.000đồng trong ví và 01 điện thoại di động Iphone 5 màu trắng, D không thừa nhận trộm cắp số tiền 36.000.000đồng mà anh Q khai như trên. Ngoài lời khai trên không có tài liệu nào khác chứng minh D đã trộm cắp số tiền như anh Q khai.

Đối với 01 điện thoại di động Iphone 5; 01 ví da màu đen, ngày 26/02/2019, C4 quan CSĐT công an quận T1 H đã ra quyết định xử lý vật chứng trao trả cho anh Q, anh Q đã nhận lại tài sản và không yêu cầu Trần Tường D bồi thường số tiền 120.000đồng và 36.000.000đồng.

Cáo trạng số 35/CT-VKS ngày 15/3/2019 của Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) quận T1 H đã truy tố Trần Tường D về tội “trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại C4 quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai nhận H1nh vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, phù hợp với vật chứng thu giữ và tài liệu có trong H sơ vụ án.

Đại diện VKSND quận T1 H kết luận vụ án: Giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, 47 Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Xử phạt bị cáo từ 12(mười hai) đến 15(mười lăm) tháng tù giam. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Tịch thu sung quỹ nH1 nước 01tấm tôn sắt kích thước 1x2m đã qua sử dụng. Buộc bị cáo phải truy nộp số tiền 120.000đồng. Về trách nhiệm dân sự anh Q đã nhận lại tài sản và không yêu cầu D bồi thường số tiền 120.000đồng nên không xem xét. Bị cáo phải nộp 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên C4 sở N1 dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong H sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, trên C4 sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về H1nh vi, quyết định tố tụng của C4 quan điều tra công an quận T1 H, Điều tra viên, VKSND quận T1 H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến gì về quyết định của C4 quan tiến H1nh tố tụng, người tiến H1nh tố tụng. Do đó các H1nh vi, quyết định tố tụng của C4 quan tiến H1nh tố tụng, người tiến H1nh tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về N1 dung: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại C4 quan điều tra, phù hợp với các tài liệu khác có trong H sơ vụ án, có đủ C4 sở kết luận:

Ngày 06/01/2019, tại số 242, A C4, phường N T, quận T1 H, H1 N1, Trần Tường D đã có H1nh vi lén lút chiếm đoạt 01 ví màu đen bên trong có 120.000đồng và 01 chiếc điện thoại di động Iphone 5 màu trắng đã qua sử dụng có giá trị 2.000.000đồng của anh Doãn Vinh Q, tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 2.120.000đ(hai triệu một trăm hai mươi nghìn đồng).

Như vậy có đủ căn cứ xác định bị cáo đã phạm tội “trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 như luận tội của đại diện VKSND dân quận T1 H là đúng.

H1nh vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an trong khu vực, gây mất lòng tin trong quần chúng nhân dân, bị cáo phạm tội với lỗi cố ý, mục đích tư lợi.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo HĐXX xét thấy: Bị cáo có nhân thân xấu, có 07 tiền sự, trong đó 03 tiền sự chưa hết thời hiệu, có 02 tiền sự về H1nh vi trộm cắp tài sản cùng H1nh vi bị cáo bị truy tố, xét xử cho thấy bị cáo là người coi thường pháp luật. Do vậy cần phải áp dụng mức hình phạt tương xứng, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Xét tại CQĐT và tại phiên tòa bị cáo đã tH1nh khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tài sản bị cáo trộm cắp đã thu Hi trả lại cho người bị hại nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

[4] Về vật chứng vụ án và trách nhiệm dân sự: Đối với 01chiếc điện thoại di động Iphone 5, 01 ví da màu đen, ngày 26/02/2019, C4 quan CSĐT công an quận T1 H đã ra quyết định xử lý vật chứng trao trả cho anh Q. Anh Q đã nhận lại tài sản và không yêu cầu D bồi thường số tiền 120.000đồng không yêu cầu xem xét số tiền 36.000.000đồng nên HĐXXX không xét.

Tuy nhiên xét số tiền 120.000đồng bị cáo đã chiếm đoạt của anh Q mặc dù anh Q không yêu cầu bị cáo bồi thường nhưng xác định đây là số tiền bị cáo thu lợi bất chính nên buộc bị cáo truy nộp vào ngân sách nH1 nước.

Tịch thu sung quỹ nH1 nước 01 tấm tôn sắt kích thước 1x2m đã qua sử dụng thu giữ của anh Q.

[5]Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

TuY bố bị cáo Trần Tường D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, 47 của Bộ luật hình sự năm 2015;

Điều 106, 331, 333, 337 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử phạt: Bị cáo Trần Tường D 09 (chín) tháng tù giam, thời hạn tù tính từ ngày 08/01/2019.

Bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuY án.

Người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- *VKSND quận T1 H;*
- *CCTHADS quận T1 H;*
- *CA quận T1 H;*
- *Người tham gia tố tụng;*
- *Lưu HS/VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Vân Anh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ